



**Câu 11:** Một trong những mục đích của cạnh tranh là?

- A. Tạo thương hiệu, khẳng định vị thế của mình trên thị trường.
- B. Đổi mới phương thức quản lí, ứng dụng khoa học kỹ thuật.
- C. Giành thị trường, đơn hàng, hợp đồng, nguồn vốn.
- D. Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

**Câu 12:** Câu tục ngữ “*Thương trường như chiến trường*” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây trong nền kinh tế thị trường?

- A. Quy luật cung cầu.
- B. Quy luật cạnh tranh.
- C. Quy luật giá trị.
- D. Quy luật tiền tệ.

**Câu 13:** Loại cạnh tranh nào dưới đây là động lực của nền kinh tế thị trường?

- A. Cạnh tranh trong nội bộ ngành.
- B. Cạnh tranh lành mạnh.
- C. Cạnh tranh giữa các ngành.
- D. Cạnh tranh không lành mạnh.

**Câu 14:** Anh H mở cửa hàng kinh doanh quần áo, dụng cụ thể thao. Để cạnh tranh với các cửa hàng khác anh H không được phép sử dụng phương thức cạnh tranh nào?

- A. Đăng quảng cáo, bán hàng qua mạng, thanh toán trực tuyến.
- B. Nhập hàng không rõ nguồn gốc, thay đổi nhãn mác sản phẩm.
- C. Có chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng thường xuyên.
- D. Nhờ vào các mối quan hệ của gia đình mình để bán được nhiều hàng.

**Câu 15:** Từ năm 2022 thị trường ASEAN hội nhập sâu rộng, nhiều mặt hàng có thuế xuất - nhập khẩu bằng 0%. Để các mặt hàng dệt may truyền thống cạnh tranh được với hàng hóa của các nước trong khu vực thì các doanh nghiệp dệt may trong nước cần phải làm gì?

- A. Không phải làm gì vì mặt hàng truyền thống vẫn có chỗ đứng.
- B. Đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực và thế giới.
- C. Đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng đồng thời tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- D. Tận dụng nguồn nhân công giá rẻ để liên kết với doanh nghiệp nước ngoài.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 16, 17, 18**

Anh Nam là chủ một cửa hàng kinh doanh đồ điện tử, với nhiều sản phẩm chất lượng và giá cả hợp lý. Chị Hoa là chủ một cửa hàng đồ điện tử khác nằm đối diện, cũng kinh doanh các mặt hàng tương tự. Để thu hút khách hàng, anh Nam thường xuyên có các chương trình khuyến mãi, giảm giá và cải thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng. Anh cũng quảng bá sản phẩm của mình rộng rãi trên các trang mạng xã hội và kênh thương mại điện tử. Trong khi đó, chị Hoa lại chọn một chiến lược khác. Chị tung tin đồn sai sự thật rằng sản phẩm của anh Nam là hàng giả, kém chất lượng và không có nguồn gốc rõ ràng. Chị còn thuê người đóng giả khách hàng để chê bai sản phẩm của anh Nam trên các trang mạng xã hội. Hậu quả là cửa hàng của anh Nam bị giảm doanh số nghiêm trọng, uy tín bị ảnh hưởng nặng nề. Anh Nam đã thu thập bằng chứng và tố cáo hành vi của chị Hoa với cơ quan chức năng có thẩm quyền.

**Câu 16:** Hành vi cạnh tranh không lành mạnh của chị Hoa sẽ dẫn đến hậu quả gì cho nền kinh tế thị trường?

- A. Kích thích các doanh nghiệp khác nâng cao chất lượng sản phẩm.
- B. Tạo môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng cho mọi chủ thể.

- C. Gây rối loạn thị trường, làm suy giảm niềm tin của khách hàng.
- D. Thúc đẩy sản xuất và kinh doanh phát triển theo hướng tích cực.

**Câu 17: Hoạt động cạnh tranh lành mạnh của anh Nam có tác dụng gì đối với người tiêu dùng?**

- A. Người tiêu dùng phải chi trả mức giá cao hơn cho sản phẩm.
- B. Người tiêu dùng sẽ có ít sự lựa chọn hơn về sản phẩm.
- C. Người tiêu dùng được mua sản phẩm chất lượng tốt với giá cả hợp lý.
- D. Người tiêu dùng bị hạn chế quyền lợi và không được chăm sóc tốt.

**Câu 19: Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh doanh mà anh Nam và chị Hoa đang hướng tới là gì?**

- A. Đẩy mạnh sản xuất.
- B. Cung cấp sản phẩm tốt.
- C. Thu được nhiều lợi nhuận.
- D. Cải thiện dịch vụ khách hàng.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 20, 21, 22**

Trên thị trường đồ uống giải khát, các doanh nghiệp luôn có sự cạnh tranh gay gắt. Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm và đưa ra các chiến lược giá cả hợp lý. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng cũng là yếu tố then chốt. Nhờ sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, người tiêu dùng có cơ hội sử dụng những sản phẩm tốt hơn với giá phải chăng. Điều này đã thúc đẩy các doanh nghiệp khác phải tự thay đổi để không bị đào thải khỏi thị trường.

**Câu 20:** Thông tin trên cho thấy cạnh tranh giúp cho các doanh nghiệp đạt được mục đích gì?

- A. Giảm giá bán sản phẩm để tăng lợi nhuận.
- B. Độc quyền thị trường và loại bỏ đối thủ.
- C. Tồn tại và phát triển bằng cách tự đổi mới.
- D. Hạn chế sản xuất để giữ giá ổn định.

**Câu hỏi 21:** Cạnh tranh trong thị trường đồ uống giải khát mang lại lợi ích gì cho người tiêu dùng?

- A. Giá sản phẩm ngày càng tăng cao.
- B. Số lượng sản phẩm trên thị trường giảm.
- C. Người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm tốt với giá cả hợp lý.
- D. Các doanh nghiệp độc quyền thị trường.

**Câu hỏi 22:** Nếu một doanh nghiệp cố tình sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng để cạnh tranh về giá, điều này sẽ dẫn đến hậu quả gì?

- A. Thị trường phát triển lành mạnh hơn.
- B. Niềm tin của người tiêu dùng giảm sút.
- C. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tăng.
- D. Các doanh nghiệp khác sẽ học theo.

**Câu 23: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Công ty H chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm áo sơ mi nữ. Hai tháng gần đây, trên thị trường xuất hiện nhiều sản phẩm mới của các công ty, tập đoàn may mặc có thương hiệu

trong và ngoài nước với kiểu dáng, mẫu mã đa dạng, chất liệu vải đẹp, giá cũng hấp dẫn hơn khiến doanh thu bán hàng của công ty H sụt giảm. Ban Giám đốc công ty phải nhanh chóng đưa ra các giải pháp: tìm kiếm thêm nguồn vải có họa tiết, chất liệu đặc biệt hơn, ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao,... để nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới, thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a) Công ty H và các công ty khác cùng cạnh tranh nhau về sản phẩm hàng may mặc.

b) Việc Ban giám đốc đưa ra các giải pháp để thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường là phù hợp với quy luật cạnh tranh.

c) Điều kiện sản xuất của công ty H và các công ty khác là khác nhau nên họ cạnh tranh nhau là hợp lý.

d) Để cạnh tranh được với đối thủ, các chủ thể sản xuất kinh doanh được sử dụng mọi biện pháp để giành thắng lợi trong cạnh tranh.

**Câu 24: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Từ tháng 4-2023 đến nay, Công ty CP Di chuyển Xanh và Thông minh (GSM) đã triển khai việc đưa ô tô điện vào khai thác trong lĩnh vực taxi. Hãng taxi điện "phủ sóng" tại các thành phố lớn, khu du lịch với 2.500 chiếc chỉ sau 5 tháng hoạt động, tương đương số lượng xe của các hãng taxi lớn đã có mặt trên thị trường hàng chục năm qua. Nhiều hãng vận tải khác như Sun Taxi, Lado Taxi... thời gian qua cũng đầu tư mạnh mua xe điện để thay thế dần xe xăng với mục đích tăng thêm trải nghiệm cho khách hàng và bắt kịp xu thế. Các hãng này cho biết đã nhận được phản hồi khá tích cực từ phía khách hàng nhờ giá cước không quá cao, không phải trả thêm phụ phí như các ứng dụng gọi xe công nghệ, xe chạy êm.

a) Sự ra đời hãng xe điện tạo ra sự cạnh tranh giữa các hãng taxi.

b) Việc một số hãng thay thế xe xăng bằng xe điện kết hợp việc mở rộng các ứng dụng tiện ích là phù hợp với vai trò của cạnh tranh.

c) Mục đích của cạnh tranh là góp phần mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng.

d) Xe điện ra đời cạnh tranh và có thể dẫn đến việc xe xăng truyền thống bị xóa sổ là thể hiện cạnh tranh không lành mạnh.

**Câu 25: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Công ty A và B là hai đơn vị kinh tế lớn sản xuất và cung ứng sữa tươi. Ra đời từ lâu, công ty A xây dựng các trang trại bò sữa theo tiêu chuẩn hiện đại nhất và chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Không hề kém cạnh, dù có mặt trên thị trường, Công ty B cũng đã ứng dụng quy trình sản xuất sữa tươi khép kín từ khâu nhập giống, nuôi dưỡng đến phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Sự khác biệt về điều kiện sản xuất khiến cuộc cạnh tranh của hai công ty này thêm gay gắt.

a) Sự khác biệt về điều kiện sản xuất, kinh doanh là nguyên nhân dẫn đến sự cạnh tranh giữa công ty A và B.

b) Công ty A và B đều vận dụng đúng đắn các hình thức cạnh tranh lành mạnh để phát triển.

c) Sự cạnh tranh tích cực giữa công ty A và B sẽ mang lại lợi ích cho người tiêu dùng.

d) Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh tất yếu sẽ dẫn đến một công ty phải phá sản để công ty kia tồn tại.

## BÀI 2: CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

**Câu 1:** Em hãy cho biết khái niệm của **cung** là gì?

- A. Lượng hàng hóa, dịch vụ người tiêu dùng cần mua.
- B. Các sản phẩm được đón chờ bởi người tiêu dùng.
- C. Các sản phẩm hạ giá để thu hút khách hàng.
- D. Lượng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng cho thị trường.

**Câu 2:** Em hãy cho biết khái niệm của **cầu** là gì?

- A. Những sản phẩm đã đưa ra hoặc bán ra thị trường.
- B. Lượng hàng hóa, dịch vụ người tiêu dùng cần mua.
- C. Lượng hàng hóa đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.
- D. Tổng số hàng hóa sản xuất cung ứng cho thị trường.

**Câu 3:** Mối quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động giữa những chủ thể nào sau đây?

- A. Người mua và người mua.
- B. Người bán và người bán.
- C. Người bán với người sản xuất.
- D. Người sản xuất với người tiêu dùng.

**Câu 4:** Cung – cầu có quan hệ như thế nào trong nền kinh tế thị trường?

- A. Chỉ có cung mới tác động lên cầu.
- B. Cung – cầu là hai phạm trù độc lập nhau.
- C. Cung – cầu có quan hệ tác động lẫn nhau.
- D. Chỉ có các yếu tố của cầu tác động lên cung.

**Câu 5:** Quan hệ cung - cầu là tác nhân trực tiếp ảnh hưởng đến

- A. lưu thông hàng hoá.
- B. tiền tệ thế giới.
- C. quy mô thị trường.
- D. giá cả thị trường.

**Câu 6:** Những chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu?

- A. Nhà nước, người sản xuất, người tiêu dùng.
- B. Nhà nước, các tổ chức, mọi doanh nghiệp.
- C. Mọi tầng lớp nhân dân và công ty sản xuất.
- D. Mọi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

**Câu 7:** Chủ thể nào dưới đây vận dụng vai trò quan hệ cung – cầu bằng cách đưa ra các biện pháp, chính sách để duy trì cân đối cung-cầu hợp lý, bình ổn thị trường?

- A. Nhà nước.
- B. Nhân dân.
- C. Người sản xuất.
- D. Người tiêu dùng.

**Câu 8:** Khi giá cả hàng hóa tăng lên thì lượng cung hàng hóa trên thị trường sẽ như thế nào?

- A. Không xác định.
- B. Lượng cung giảm.
- C. Lượng cung tăng.
- D. Lượng cung bằng cầu.

**Câu 9:** Thông thường, trên thị trường, khi cung giảm sẽ làm cho giá cả tăng và cầu

- A. tăng.
- B. giảm.
- C. ổn định.
- D. đứng im.

**Câu 10:** Khi nhu cầu của người tiêu dùng về một mặt hàng tăng cao thì sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Giá cả mặt hàng sẽ bị hạ thấp.
- B. Giá cả mặt hàng sẽ cân bằng.

C. Người sản xuất sẽ mở rộng sản xuất. D. Người sản xuất sẽ thu hẹp sản xuất.

**Câu 11:** Vì sao Nhà nước phải đưa ra phương pháp và chính sách để bình ổn thị trường?

A. Ép cho nhu cầu của người tiêu dùng phải giảm xuống.

B. Đề khuyến khích lượng cung tăng trưởng nhanh chóng.

C. Làm cho giá cả các hàng hóa không bị đẩy lên quá cao.

D. Giúp cho cung và cầu giảm xuống một cách tuyệt đối.

**Câu 12:** Tác động nào sau đây là đúng khi nói về quan hệ cung – cầu?

A. Giá cả tăng do cung < cầu.

B. Giá cả tăng do cung > cầu.

C. Giá cả tăng do cung = cầu.

D. Giá cả tăng do cung  $\leq$  cầu.

**Câu 13:** Biểu hiện nào dưới đây **không phải** vai trò quan hệ cung – cầu đối với chủ thể sản xuất, kinh doanh?

A. Thu hẹp sản xuất.

B. Mở rộng sản xuất.

C. Chuyển đổi sản xuất.

D. Điều tiết lại cung - cầu.

**Câu 14:** Trong mỗi quan hệ cung – cầu nào sau đây thì người tiêu dùng bất lợi khi mua hàng hóa?

A. Cung bằng cầu.

B. Cung lớn hơn cầu.

C. Cung nhỏ hơn cầu.

D. Cầu nhỏ hơn cung.

**Câu 15:** Khi lượng cầu về mặt hàng quạt điện giảm mạnh vào mùa đông, yếu tố nào dưới đây của thị trường sẽ giảm theo?

A. Cạnh tranh.

B. Giá trị.

C. Giá trị sử dụng.

D. Giá cả.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 16, 17, 18**

Mùa hè năm nay, thời tiết nắng nóng kéo dài trên diện rộng khiến nhu cầu sử dụng kem chống nắng và các loại đồ uống giải khát tăng cao đột biến. Các nhà sản xuất đã nhanh chóng đẩy mạnh sản xuất để đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng. Nhận thấy sự tăng giá của các mặt hàng này, một số chủ cửa hàng đã tích trữ hàng hóa chờ tăng giá để bán ra nhằm thu lợi nhuận cao hơn, khiến cho một số mặt hàng trở nên khan hiếm tại nhiều nơi. Cơ quan quản lý thị trường đã kịp thời kiểm tra, xử lý các hành vi găm hàng, thao túng giá, đảm bảo thị trường hoạt động ổn định.

**Câu 16:** Nhu cầu sử dụng kem chống nắng và đồ uống giải khát tăng đột biến do yếu tố nào?

A. Sức sản xuất của các nhà sản xuất tăng cao.

B. Giá thành sản phẩm giảm sâu.

C. Thay đổi của thời tiết, khí hậu.

D. Quảng cáo rầm rộ của các doanh nghiệp.

**Câu 17:** Việc các nhà sản xuất đẩy mạnh sản xuất để đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng là biểu hiện của nội dung nào sau đây?

A. Giá cả hàng hóa.

B. Cung hàng hóa.

C. Cầu hàng hóa.

D. Quan hệ kinh tế.

**Câu 18:** Hành vi tích trữ hàng hóa chờ tăng giá của một số chủ cửa hàng nhằm mục đích gì?

A. Đẩy mạnh sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường.

B. Ổn định giá cả để bảo vệ người tiêu dùng.

C. Gây khan hiếm giả tạo, thu lợi bất chính.

D. Tuân thủ quy luật kinh tế.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20,21**

Do ảnh hưởng của thời tiết cực đoan, sản lượng cà phê toàn cầu bị sụt giảm nghiêm trọng trong năm nay. Điều này đã làm cho giá cà phê trên thị trường thế giới tăng mạnh. Trước tình hình đó, một số doanh nghiệp sản xuất cà phê trong nước đã quyết định tăng giá bán sản phẩm của mình. Mặc dù giá tăng, nhưng do cà phê là mặt hàng thiết yếu với nhiều người nên cầu không giảm nhiều. Tuy nhiên, một số người tiêu dùng đã chuyển sang sử dụng các loại đồ uống thay thế khác có giá thành thấp hơn.

**Câu hỏi 19: Việc giá cà phê tăng mạnh đã tác động như thế nào đến quyết định kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất cà phê?**

A. Buộc doanh nghiệp phải giảm sản lượng.

B. Giúp doanh nghiệp có thể tăng giá bán sản phẩm.

C. Khiến doanh nghiệp phải đóng cửa vì thua lỗ.

D. Thúc đẩy doanh nghiệp giảm giá để thu hút khách hàng

**Câu hỏi 20: Việc một số người tiêu dùng chuyển sang sử dụng các loại đồ uống thay thế khác thể hiện điều gì?**

A. Nhu cầu về cà phê đang tăng lên.

B. Giá cà phê không còn ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng.

C. Người tiêu dùng đang điều chỉnh nhu cầu để thích ứng với sự thay đổi của giá cả.

D. Họ muốn ủng hộ các sản phẩm nội địa.

**Câu hỏi 21: Mối quan hệ giữa cung và cầu cà phê trong tình huống này đang ở trạng thái nào?**

A. Cung vượt cầu, làm giá giảm.

B. Cầu vượt cung, làm giá tăng.

C. Cung và cầu cân bằng, giá ổn định.

D. Cung và cầu không có mối liên hệ.

**Câu 22: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:**

Do ảnh hưởng của cơn bão số 10, các tỉnh miền Trung bị thiệt hại nặng nề dẫn đến việc khan hiếm về lương thực, thực phẩm và đẩy giá một số hàng lương thực, thực phẩm tăng cao. Trước tình hình đó, các cơ quan chức năng đã tích cực đưa ra các giải pháp như hỗ trợ chi phí, hạn chế xuất khẩu, đặc biệt là chỉ đạo các doanh nghiệp đầu mối chủ động điều tiết nguồn hàng nhằm góp phần bình ổn giá.

a) Cung giảm dẫn đến giá cả hàng hóa một số mặt hàng tăng cao.

b) Người dân cần điều chỉnh thói quen tiêu dùng để phù hợp với quan hệ cung cầu.

c) Tăng nguồn cung là giải pháp duy nhất để ổn định thị trường.

d) Việc ổn định quan hệ cung cầu là trách nhiệm của chủ thể nhà nước trong nền kinh tế.

**Câu 23: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:**

Đơn hàng nhiều giúp kim ngạch xuất khẩu 3 nhóm hàng: gạo, rau quả, cà phê liên tục tăng nhanh trong nửa đầu tháng 1-2024. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, nửa đầu tháng 1, cả nước xuất khẩu hơn 194.000 tấn gạo, kim ngạch đạt gần 135 triệu USD, tăng 18% so với cùng

kỳ năm 2023. Xuất khẩu cà phê nửa đầu tháng 1 đạt gần 96.000 tấn, với kim ngạch gần 283 triệu USD, so cùng kỳ năm 2023 tăng 4,2% về lượng và tăng mạnh 39,7% về kim ngạch. Rau quả là "anh cả" của tăng trưởng, cụ thể 15 ngày đầu tháng 1 đạt 459 triệu USD. Nếu so với cùng kỳ năm 2023, con số này đang tăng trên 89% và so với tháng liền kề trước đó là trên 12%.

a) Cầu tăng là nguyên nhân khiến nguồn cung tăng.

b) Việc đẩy mạnh xuất khẩu sẽ tác động đến nguồn cung trong nước và làm giá cả hàng hóa này trong nước tăng.

c) Số liệu khả quan về xuất khẩu hàng hóa phản ánh năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường thế giới.

d) Giảm thuế xuất khẩu là giải pháp hữu hiệu để tăng nguồn cung hàng hóa cho xuất khẩu.

**Câu 24: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Vào thời điểm gần Tết Trung thu, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường.

a) Thông tin trên thể hiện mối quan hệ cầu tăng dẫn đến cung tăng.

c) Quan hệ cung cầu đã giúp các chủ thể sản xuất kinh doanh đưa ra các quyết định hợp lý.

c) Việc có nhiều doanh nghiệp chuyển sang sản xuất bánh trung thu sẽ góp phần làm cho giá cả mặt hàng này giảm xuống.

d) Tính thời vụ là yếu tố ảnh hưởng nhất tới cung về thị trường bánh trung thu.

### BÀI 3: LẠM PHÁT

**Câu 1:** Em hãy cho biết khái niệm của lạm phát là gì?

A. Mức giá của hàng hóa, dịch vụ không thay đổi trong thời gian nhất định.

B. Mức giá của các hàng hóa, dịch vụ đặc biệt trong thời gian nhất định.

C. Hình thức giảm mức giá chung của các hàng hóa, dịch vụ trong thời gian nhất định.

D. Hình thức tăng mức giá chung của các hàng hóa, dịch vụ trong thời gian nhất định.

**Câu 2:** Hình thức tăng mức giá chung của các hàng hóa, dịch vụ trong thời gian nhất định là nội dung của khái niệm

A. cạnh tranh.

B. hàng hóa.

C. thị trường.

D. lạm phát.

**Câu 3:** Người ta phân chia lạm phát dựa vào điều gì?

A. Mức độ lạm phát.

B. Sự nghiêm trọng.

C. Mức giá thành sản phẩm.

D. Thời gian xảy ra lạm phát.

**Câu 3:** Có mấy nguyên nhân cơ bản dẫn đến lạm phát?

A. Hai nguyên nhân.

B. Ba nguyên nhân.

C. Bốn nguyên nhân.

D. Năm nguyên nhân.

**Câu 4:** Lạm phát thường được tính bằng chỉ số giá tiêu dùng được viết tắt?

A. CPI.

B. CIP.

C. PCI.

D. IPC.

- Câu 5:** Lạm phát là sự tăng trưởng mức giá chung các hàng hóa, dịch vụ của nền kinh tế trong một thời gian
- A. nhất định.                      B. ấn định.                      C. cụ thể.                      D. dài hạn.
- Câu 6:** Có bao nhiêu loại lạm phát? Đó là những loại nào?
- A. Có 2 loại lạm phát: lạm phát vừa phải, siêu lạm phát.  
 B. Có 3 loại lạm phát: lạm phát nhẹ, lạm phát vừa, siêu lạm phát.  
 C. Có 2 loại lạm phát: lạm phát nhẹ và siêu lạm phát.  
 D. Có 3 loại lạm phát: lạm phát vừa phải, lạm phát phi mã, siêu lạm phát.
- Câu 7:** Khi mức độ tăng của giá cả ở 2 con số trở lên hàng năm tăng (từ 10% - 1000%) gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế. Đây thuộc loại lạm phát nào?
- A. Lạm phát vừa phải.                      B. Siêu lạm phát.  
 C. Lạm phát phi mã.                      D. Lạm phát tương đối.
- Câu 8:** Lạm phát cao mang đến điều gì cho đời sống xã hội?
- A. Sự phồn thịnh, phát triển đất nước.                      B. Mang đến các lợi ích đặc biệt.  
 C. Tác động tiêu cực đến đời sống xã hội.                      D. Tác động tích cực đến đời sống xã hội.
- Câu 9:** Mức độ lạm phát như thế nào sẽ kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển?
- A. Vừa phải.                      B. Phi mã.                      C. Siêu lạm phát.                      D. Ổn định.
- Câu 10:** Trong điều kiện lạm phát thấp, giá cả thay đổi chậm, không ảnh hưởng quá tiêu cực tới nền kinh tế và xã hội thì người ta gọi trường hợp đó là nền kinh tế đang trong giai đoạn nào?
- A. Nền kinh tế bất ổn.                      B. Nền kinh tế phát triển.  
 C. Nền kinh tế ổn định.                      D. Nền kinh tế chậm phát triển.
- Câu 11:** Khi mức lương cơ bản của người lao động được nâng lên theo lộ trình thì rất dễ dẫn đến hiện tượng lạm phát xảy ra trong đời sống xã hội vì khi đó
- A. giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng.                      B. giá cả hàng hóa giảm.  
 C. giá cả hàng hóa ổn định.                      D. hàng hóa khan hiếm.
- Câu 12:** Tình trạng khủng hoảng kinh tế xảy ra khi nào?
- A. Khi cung lớn hơn cầu.                      B. Giá cả tăng lên không đáng kể.  
 C. Giá cả các mặt hàng, dịch vụ ổn định.                      D. Giá cả tăng vượt xa mức lạm phát phi mã.
- Câu 13:** Trong trường hợp lạm phát tăng nhanh Nhà nước làm gì để hỗ trợ người dân ứng phó với tình hình khó khăn trước mắt?
- A. Tăng các chi tiêu công.                      B. Bỏ ngỏ thị trường.  
 C. Sử dụng nguồn dự trữ quốc gia.                      D. Phát hành thêm tiền tệ.
- Câu 14:** Khi lạm phát khiến các yếu tố đầu vào của quy trình sản xuất tăng cao thì dẫn đến điều gì?
- A. Giá cả hàng hóa sản xuất ở mức bình ổn.  
 B. Hàng hóa được tạo ra với chất lượng thấp.  
 C. Giá các mặt hàng sản xuất tăng theo.  
 D. Người tiêu dùng đón nhận nhiệt thành hơn.
- Câu 15 :** Nhà nước cần phải làm như thế nào để kiểm soát và kiềm chế lạm phát?
- A. Theo dõi sự biến động của giá cả trên thị trường.  
 B. Tạo ra các biện pháp trong nền kinh tế thị trường.  
 C. Giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn.



Vào dịp cuối năm năm bắt tâm lý do nhu cầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ của người dân tăng cao vì vậy giá nguyên vật liệu đầu vào tăng dần. Đồng thời, do ảnh hưởng thị trường thế giới, giá xăng trong nước cũng được điều chỉnh tăng qua nhiều lần làm tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp. Điều này làm cho giá cả hàng hoá, dịch vụ đồng loạt tăng cao, tạo sức ép lớn lên tỉ lệ lạm phát.

a) Nguyên nhân dẫn đến lạm phát là do chi phí đầu vào giảm.

b) Giá cả các yếu tố đầu vào của hàng hóa tăng cao sẽ tác động cả đến nguồn cung và cầu về hàng hóa.

c) Nhà nước sử dụng công cụ tiền tệ để kiềm chế sự tăng giá của một số mặt hàng.

d) Giá cả các yếu tố đầu vào của các ngành sản xuất tăng, sẽ giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.

**Câu 23: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, chị DT cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

a) Chi phí sản xuất tăng cao là nguyên nhân gây ra hiện tượng lạm phát.

b) Giá cả tăng cao sẽ làm thay đổi cầu của người tiêu dùng về hàng hóa.

c) Tình trạng tăng giá kéo dài đời sống người dân sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

d) Tăng lương là biện pháp hữu hiệu nhất để kiềm chế lạm phát và nâng cao mức sống người dân.

**Câu 24: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Trong năm 2023, CPI tháng Một tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn nhưng sau đó đã giảm dần, đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, đến tháng Mười Hai tăng 3,58%, bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay..... Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được đảm bảo. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát.

a) Xét về tổng thể, năm 2023 mức lạm phát ở nước ta ở mức độ lạm phát vừa phải.

b) Giảm mặt bằng lãi suất, cho vay tín dụng và giảm thuế là các công cụ quan trọng để kiềm chế lạm phát.

c) Về mặt kinh tế, lạm phát vừa phải là động lực để phát triển kinh tế.

d) Các biện pháp kiềm chế lạm phát của nhà nước trong năm 2023 đã góp phần ổn định đời sống nhân dân.

## BÀI 4: THẤT NGHIỆP

**Câu 1:** Trong đời sống xã hội, tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm theo ý muốn của mình được gọi là

- A. lao động.
- B. nghề nghiệp.
- C. thất nghiệp.
- D. có việc làm.

**Câu 2:** Trong đời sống xã hội, thất nghiệp được chia thành những loại nào sau đây?

- A. Thất nghiệp theo tự nhiên và thất nghiệp theo chu kì.
- B. Thất nghiệp theo nguồn gốc và thất nghiệp theo tính chất.
- C. Thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp không tự nguyện.
- D. Thất nghiệp theo thời vụ và thất nghiệp mang tính tạm thời.

**Câu 3:** Theo em nguyên nhân chính nào sau đây dẫn tới thất nghiệp?

- A. Nguyên nhân bị cho thôi việc.
- B. Nguyên nhân chủ quan và khách quan.
- C. Nguyên nhân không tìm được việc làm.
- D. Nguyên nhân bị kỷ luật lao động.

**Câu 4:** Trong đời sống xã hội tình trạng thất nghiệp để lại hậu quả gì cho hoạt động chính trị - xã hội?

- A. Làm ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động.
- B. Ảnh hưởng trực tiếp tới việc cung ứng hàng hóa.
- C. Gây ra những xáo trộn và mất trật tự trong xã hội.
- D. Làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm.

**Câu 5:** Theo em, nhà nước đóng vai trò như thế nào trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

- A. Thúc đẩy tình trạng thất nghiệp gia tăng.
- B. Đưa ra các giải pháp để kiểm soát, kiểm chế thất nghiệp.
- C. Xóa bỏ các chính sách an sinh xã hội.
- D. Hạn chế mở rộng các cơ sở sản xuất kinh doanh.

**Câu 6:** Tình trạng thất nghiệp gây ra hạn chế gì cho nền kinh tế?

- A. Làm cho cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp giảm.
- B. Gây ra những xáo trộn trong đời sống xã hội.
- C. Tăng thu nhập cao cho người lao động.
- D. Thất nghiệp làm cho ngân sách nhà nước suy giảm.

**Câu 7:** Tình trạng người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc không phù hợp hoặc mức lương chưa tương thích với khả năng của họ thuộc vào loại thất nghiệp nào dưới đây?

- A. Thất nghiệp theo chu kì.
- B. Thất nghiệp không tự nguyện.
- C. Thất nghiệp tự nhiên.
- D. Thất nghiệp tự nguyện.

**Câu 8:** Lao động bị thất nghiệp do không đáp ứng được với yêu cầu mà công việc đề ra là hình thức thất nghiệp nào dưới đây?

- A. Thất nghiệp cơ cấu.
- B. Thất nghiệp tạm thời.
- C. Thất nghiệp tự nguyện.
- D. Thất nghiệp tự nhiên.

**Câu 9:** Người không đi làm do tập trung giải quyết việc gia đình là thuộc tình trạng thất nghiệp nào sau đây?

- A. Thất nghiệp tự nhiên.
- B. Thất nghiệp tạm thời.
- C. Thất nghiệp tự nguyện.
- D. Thất nghiệp không tự nguyện.

**Câu 10:** Người lao động mong muốn đi làm nhưng không thể tìm kiếm được việc làm là thuộc tình trạng thất nghiệp nào sau đây?

- A. Thất nghiệp tự nhiên.
- B. Thất nghiệp tạm thời.
- C. Thất nghiệp tự nguyện.
- D. Thất nghiệp không tự nguyện.

**Câu 11:** Việc thất nghiệp tăng lên nhanh chóng làm ảnh hưởng và gây lãng phí đến nguồn lực lao động của xã hội là hậu quả của thất nghiệp đối với

- A. người kinh doanh.
- B. doanh nghiệp.
- C. chính trị - xã hội.
- D. nền kinh tế.

**Câu 12:** Đối với các nhân lực bị mất việc làm do chưa có kinh nghiệm làm việc với máy móc ở trình độ cao, Nhà nước cần làm gì để hỗ trợ người lao động sớm tìm được việc làm phù hợp với bản thân?

- A. Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng nghề nghiệp.
- B. Khuyến khích người lao động về quê phát triển.
- C. Hỗ trợ người sử dụng lao động vốn để tiếp tục trả lương.
- D. Yêu cầu các doanh nghiệp tuyển thêm nhiều nhân viên.

**Câu 13:** Theo em, hoạt động nào sau đây **không thể hiện** vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

- A. Tích cực hạn chế đưa ra các giải pháp kiểm chế thất nghiệp.
- B. Thường xuyên quan tâm đào tạo lao động trình độ cao.
- C. Hỗ trợ người lao động tự tạo việc làm phù hợp với bản thân.
- D. Thực hiện chính sách an sinh xã hội theo quy định pháp luật.

**Câu 14:** Theo em, nội dung nào sau đây thể hiện hậu quả của thất nghiệp đối với cá nhân?

- A. Ảnh hưởng đến kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp.
- B. Nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất.
- C. Gây ra hiện tượng lãn công, bãi công, biểu tình.
- D. Làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

**Câu 15:** Theo em, việc làm nào sau đây **thể hiện** việc thất nghiệp xuất phát từ nguyên nhân chủ quan?

- A. Do thiếu kỹ năng làm việc.
- B. Cơ sở kinh doanh đóng cửa.
- C. Mất cân đối giữa cung và cầu.
- D. Các cơ sở sản xuất thu hẹp.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 16, 17, 18**

Chị An là một nhân viên kế toán có kinh nghiệm, đã làm việc cho Công ty X được 5 năm. Tuy nhiên, do công ty quyết định áp dụng hệ thống kế toán tự động hoàn toàn, vị trí của chị An không còn cần thiết nữa. Dù chị đã cố gắng tìm kiếm một công việc phù hợp với chuyên môn của mình, nhưng trong lúc này, chị vẫn chưa thể tìm được một vị trí mới. Chị đang tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về công nghệ thông tin để nâng cao kỹ năng, với hy vọng có thể tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn trong tương lai.

**Câu 17:** Tình trạng của chị An được coi là loại thất nghiệp nào?

- A. Thất nghiệp tạm thời.
- B. Thất nghiệp chu kỳ.
- C. Thất nghiệp cơ cấu.
- D. Thất nghiệp do thiếu hụt lao động.

**Câu hỏi 18:** Nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp của chị An là gì?

- A. Suy thoái kinh tế toàn cầu.
- B. Sự thay đổi về công nghệ, kỹ thuật sản xuất.
- C. Chị không muốn tìm kiếm việc làm.
- D. Mức lương mà chị yêu cầu quá cao.

**Câu hỏi 19:** Việc chị An tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm mục đích gì?

- A. Kéo dài thời gian thất nghiệp.
- B. Nâng cao năng lực để tìm kiếm việc làm phù hợp.
- C. Tránh bị các doanh nghiệp khác tuyển dụng.
- D. Chờ đợi công ty cũ gọi lại làm việc.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 20, 21, 22**

Chị Chi sau khi tốt nghiệp đại học đã chủ động nộp hồ sơ xin việc tại nhiều doanh nghiệp. Mặc dù có một vài công ty đã hẹn phỏng vấn và đưa ra đề nghị, nhưng chị vẫn đang trong quá trình cân nhắc và tìm kiếm một công việc phù hợp nhất với chuyên ngành và nguyện vọng của mình. Trong khoảng thời gian này, chị vẫn được coi là người thất nghiệp, dù chỉ là tạm thời.

**Câu 20:** Tình trạng thất nghiệp của chị Chi được gọi là gì?

- A. Thất nghiệp chu kỳ.
- B. Thất nghiệp cơ cấu.
- C. Thất nghiệp tạm thời.
- D. Thất nghiệp do yếu tố ngoài thị trường.

**Câu 21:** Nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp của chị Chi là gì?

- A. Thiếu bằng cấp chuyên môn.
- B. Nền kinh tế đang suy thoái.
- C. Người lao động đang trong quá trình tìm kiếm việc làm mới.
- D. Ngành chị Chi theo học đang dư thừa lao động.

**Câu 22:** Trong trường hợp của chị Chi, thất nghiệp được coi là hiện tượng nào của thị trường lao động?

- A. Bất thường, cần phải xử lý ngay.
- B. Bình thường, tất yếu xảy ra.
- C. Rất nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu.
- D. Hoàn toàn không có lợi.

**Câu 23:** Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chị Y và nhóm bạn của mình đang thất nghiệp. Chị Y đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán doanh nghiệp nhưng làm nhân viên hành chính cho một cơ sở giáo dục. Sau một thời gian làm việc, chị quyết định thôi việc để đi tìm công việc mới phù hợp với sở thích và khả năng của mình. Anh X bị doanh nghiệp cho thôi việc do vi phạm kỉ luật lao động nhiều lần, anh T bị mất việc làm do doanh nghiệp thu hẹp sản xuất kinh doanh.

- a) Thất nghiệp của chị Y là loại hình thất nghiệp tự nguyện.
- b) Nguyên nhân anh X bị thất nghiệp là do mất cân đối quan hệ cung cầu.
- c) Loại hình thất nghiệp của anh T là thất nghiệp cơ cấu.
- d) Chị Y, anh X và anh T đều bị ảnh hưởng về thu nhập do bị thất nghiệp.

**Câu 24:** Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo thống kê của Sở Y tế tỉnh N, số sinh viên theo học các ngành Dược, Điều dưỡng ở các hệ cao đẳng, trung cấp tốt nghiệp hằng năm rất lớn. Tuy nhiên mỗi năm, tỉnh chỉ bố trí được chỗ làm với số lượng có hạn cho đối tượng này nên nhiều sinh viên ra trường bị thất nghiệp. Trong khi đó, tỉnh rất cần các bác sĩ có chuyên môn cao nhưng lại khó tuyển dụng.

a) Mất cân đối cung cầu lao động là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp.

b) Thất nghiệp trong trường hợp trên là thất nghiệp cơ cấu.

c) Tăng nguồn cung lao động là bác sĩ có chuyên môn cao sẽ khắc phục được tình trạng thất nghiệp.

d) Tình trạng mất cân đối như trên nếu kéo dài sẽ gây ra nhiều hệ lụy cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 25: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Sau khi tốt nghiệp Đại học, anh D làm hồ sơ dự tuyển vào một công ty. Anh không được nhận vào làm việc do không đáp ứng được nhiều yêu cầu của công ty. Còn chị H sau khi ra trường đã nộp hồ sơ năng lực để dự tuyển vào công ty X và được nhận vào thử việc 3 tháng. Sau 3 tháng do hạn chế về năng lực chị H không được công ty ký hợp đồng chính thức nên đã chủ động đi tìm công việc mới.

a) Anh D và chị H đều thất nghiệp do năng lực còn hạn chế.

b) Thất nghiệp của anh D là loại hình thất nghiệp tự nhiên.

c) Thất nghiệp của chị H là loại hình thất nghiệp cơ cấu.

d) Trong giai đoạn hiện nay, xu hướng chung của thị trường là tuyển dụng các lao động có trình độ hơn là tuyển dụng các lao động phổ thông.

## BÀI 5: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

**Câu 1:** Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hóa việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định là đề cập đến khái niệm nào sau đây?

A. Hợp đồng lao động.

B. Hoạt động sản xuất.

C. Tình trạng thất nghiệp.

D. Thị trường việc làm.

**Câu 2:** Theo Điều 36, Luật việc làm năm 2013, dịch vụ việc làm không bao gồm:

A. Tư vấn, giới thiệu việc làm.

B. Điều tiết, kiểm soát đầu tư tín dụng.

C. Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động.

D. Thu thập, cung cấp thông tin về thị trường lao động.

**Câu 3:** Trong các hoạt động lao động thì thị trường việc làm và thị trường lao động có mối quan hệ như thế nào?

A. Tương tác theo chu kỳ.

B. Độc lập và tách biệt với nhau.

C. Tác động qua lại chặt chẽ với nhau.

D. Không liên quan đến nhau.

**Câu 4:** Khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến tình trạng nào sau đây?

A. Thất nghiệp gia tăng.

B. Thiếu hụt lao động.

C. Cân bằng về lao động.

D. Khủng hoảng kinh tế.

**Câu 5:** Khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến tới tình trạng nào sau đây?

- A. Thất nghiệp gia tăng.
- B. Thiếu hụt lao động.
- C. Cân bằng lao động.
- D. Khủng hoảng kinh tế.

**Câu 6:** Để tìm được việc làm phù hợp với bản thân, học sinh cần trang bị cho mình những gì?

- A. Không cần tìm hiểu thông tin về việc làm.
- B. Chỉ ưu tiên học về các chuyên ngành của mình.
- C. Không quan tâm đến xu thế của thị trường việc làm.
- D. Kiến thức cơ bản về nghề nghiệp, trau dồi kỹ năng về việc làm.

**Câu 7:** Theo em, việc chuyển dịch liên tục cơ cấu của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng như thế nào tới việc làm của người dân?

- A. Người dân sẽ có thêm nhiều cơ hội việc làm mới.
- B. Người dân không có nhiều công việc để làm.
- C. Người dân phải làm việc liên tục không được nghỉ ngơi.
- D. Người dân buộc phải thường xuyên thay đổi việc làm.

**Câu 8:** Nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người sử dụng lao động và người lao động, thông qua các thỏa thuận về tiền lương, chế độ đãi ngộ phù hợp là đề cập đến khái niệm nào sau đây?

- A. Thị trường tiền tệ.
- B. Hoạt động lao động.
- C. Thị trường lao động.
- D. Tình trạng thất nghiệp.

**Câu 9:** Những hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu đời sống của xã hội là nội dung của khái niệm

- A. Sức lao động.
- B. Lao động.
- C. Sản xuất.
- D. Người lao động.

**Câu 10:** Những hoạt động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm, có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người, giúp duy trì và cải thiện cuộc sống là đề cập đến khái niệm

- A. lao động.
- B. việc làm.
- C. kinh doanh.
- D. sản xuất.

**Câu 11:** Các yếu tố cấu thành nên thị trường lao động là gì?

- A. Thị yếu của người tiêu dùng.
- B. Cung, cầu và giá cả sức lao động.
- C. Mục đích và mức lương lao động.
- D. Công việc cụ thể của người lao động.

**Câu 12.** Theo em, trong các việc làm sau đây việc làm nào được coi là lao động?

- A. Em H đang nằm ngủ.
- B. Anh L đang xây nhà.
- C. Chị T đang nghe nhạc.
- D. Chim tha mồi về tổ.

**Câu 13:** Hoạt động nào sau đây của con người được coi là việc làm?

- A. Buôn bán hàng hóa kém chất lượng để tăng thu nhập.
- B. Làm việc cho tổ chức buôn bán người qua biên giới.
- C. Đi phụ hồ để kiếm thêm thu nhập cho gia đình.
- D. Canh gác cho các đối tượng đánh bài ăn tiền.

**Câu 14:** Theo quy định của pháp luật, hành vi nào dưới đây vi phạm pháp luật trong quan hệ lao động và tìm kiếm việc làm?

- A. Mọi người đều có ý kiến khi được phân công công việc.
- B. Không được phân biệt đối xử về giới tính trong khi làm việc.
- C. Lạm dụng sức lao động trẻ em để thu lợi nhuận.
- D. Mọi người đều có quyền giúp đỡ nhau trong công việc.

**Câu 15:** Theo Điều 21, Bộ luật Lao động năm 2019, hợp đồng lao động **không** cần có nội dung nào?

- A. Chế độ nâng bậc, nâng lương.
- B. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- C. Phương thức vui chơi, giải trí.
- D. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 16, 17, 18**

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, nhiều doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng các vị trí liên quan đến lập trình, phân tích dữ liệu và an ninh mạng. Trong khi đó, các vị trí lao động phổ thông, giản đơn dần bị thay thế bởi máy móc, làm giảm nhu cầu tuyển dụng ở nhóm ngành này. Điều này khiến thị trường lao động có sự dịch chuyển mạnh mẽ, đòi hỏi người lao động cần phải trau dồi và nâng cao các kỹ năng chuyên môn để đáp ứng yêu cầu mới của nhà tuyển dụng.

**Câu 16:** Thông tin trên cho thấy thị trường lao động có đặc điểm gì?

- A. Cung lao động lớn hơn cầu lao động.
- B. Luôn có sự dịch chuyển về cơ cấu ngành nghề.
- C. Cầu lao động luôn ổn định ở mọi ngành nghề.
- D. Sức lao động luôn được đảm bảo việc làm.

**Câu 17:** Yếu tố nào đã tác động trực tiếp đến sự thay đổi của thị trường lao động trong trường hợp này?

- A. Sự thay đổi về giá cả hàng hóa.
- B. Sự phát triển của khoa học, công nghệ.
- C. Biến động của nền kinh tế thế giới.
- D. Sự tăng lên của dân số.

**Câu 18:** Nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp đối với các vị trí lập trình, phân tích dữ liệu thể hiện điều gì?

- A. Cầu lao động ở nhóm ngành này đang tăng.
- B. Cung lao động ở nhóm ngành này đang giảm.
- C. Cầu lao động đang giảm trên toàn thị trường.
- D. Nhu cầu tuyển dụng chỉ tập trung vào một nhóm đối tượng.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20, 21**

Sau khi tốt nghiệp trường nghề, bạn Hoa được giới thiệu vào làm việc tại một xưởng sản xuất giày dép. Năng lực làm việc của bạn được đánh giá cao, nhưng công việc không phù hợp với sở thích của bạn. Bạn quyết định nộp hồ sơ xin việc vào một công ty thiết kế thời trang, nơi có môi trường làm việc sáng tạo và phù hợp với đam mê của mình. Trong quá trình này, bạn đã tìm hiểu về thị trường lao động, cập nhật thông tin về các vị trí tuyển dụng và yêu cầu của nhà tuyển dụng.

**Câu hỏi 19:** Hành động của bạn Hoa trong việc tìm kiếm công việc mới phù hợp với sở thích và đam mê thể hiện điều gì?

- A. Người lao động đang lựa chọn công việc phù hợp với bản thân.
- B. Người lao động chỉ tìm kiếm công việc có mức lương cao.
- C. Thị trường lao động không có sự đa dạng về việc làm.
- D. Nhu cầu lao động của xã hội không thay đổi.

**Câu 20:** Việc bạn Hoa tìm hiểu về thị trường lao động và cập nhật thông tin tuyển dụng phản ánh vai trò gì của thị trường lao động?

- A. Cung cấp thông tin giúp người lao động định hướng nghề nghiệp.
- B. Hạn chế khả năng tìm kiếm việc làm của người lao động.
- C. Làm tăng rủi ro khi chọn nghề.
- D. Gây khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm.

**Câu 21:** Trong tình huống này, bạn Hoa cần phải làm gì để nâng cao cơ hội được nhận vào làm tại công ty thiết kế thời trang?

- A. Đòi hỏi mức lương cao.
- B. Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp.
- C. Không quan tâm đến yêu cầu của nhà tuyển dụng.
- D. Chỉ dựa vào năng lực đã có.

**Câu 22: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo bản tin thị trường lao động Việt Nam quý III năm 2022: Năm nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất: công nghiệp chế tạo; thông tin và truyền thông; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ. Năm nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất: tài chính, kế toán, nhân viên phần mềm, ngân hàng, marketing. Năm nghề người lao động đi tìm việc nhiều nhất: lao động kỹ thuật trong công nghiệp, hành chính, bán hàng trong lĩnh vực bất động sản, tiếp thị kỹ thuật số bán hàng, y tế và chăm sóc sức khỏe. Dự báo nhu cầu việc làm sẽ tăng ở một số ngành: sản xuất phương tiện vận tải, sản xuất sản phẩm điện tử.

a) Nhu cầu tuyển dụng lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ có xu hướng ngày càng tăng.

b) Người lao động có xu hướng tìm việc nhiều ở các ngành dịch vụ.

c) Thị trường lao động và thị trường việc làm đang có sự khác biệt về nhu cầu dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng.

d) Vai trò của nhà nước đó là dự báo, cung cấp các thông tin cơ bản về nhu cầu tuyển dụng, xu hướng tuyển dụng để người lao động điều chỉnh.

**Câu 23: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Trong quý I năm 2022, trong tổng số 50,0 triệu lao động có việc làm tại Việt Nam, lao động trong khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng 38,7%, tương đương 19,4 triệu người, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng 33,5%, tương đương 16,8 triệu người, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ trọng 27,8%, tương đương 13,9 triệu người. So với quý trước và cùng kỳ năm trước, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đều giảm lần lượt là 426,8 nghìn người và 192,2 nghìn người; lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 82,7 nghìn người so với quý trước nhưng tăng 661,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; lao động trong ngành dịch vụ tăng mạnh so với quý trước (gần 1,5 triệu người) nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 336,8 nghìn người.

a) Thị trường lao động trong khu vực nông nghiệp đang có xu hướng giảm dần là hợp lý.

b) Thị trường lao động trong khu vực dịch vụ và công nghiệp đang tăng nhanh và sẽ ngày càng chiếm tỷ trọng cao.

c) Lực lượng lao động của nước ta đang chiếm tỷ lệ khá cao đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức.

d) Chất lượng lao động trong khu vực công nghiệp và dịch vụ chưa cao.

**Câu 24: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021 – 2030 đã xác định mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động là "tỉ trọng lao động khu vực nông - lâm – ngư nghiệp giảm xuống dưới 20% trong tổng số lao động có việc làm của nền kinh tế. Trong bối cảnh mới, đòi hỏi phải có những chính sách phù hợp và đột phá, thúc đẩy tạo việc làm, tăng năng suất, chất lượng góp phần tăng trưởng kinh tế, thu hẹp khoảng cách với các nước trong khu vực, hướng đến phát triển bền vững.... Đặc biệt, đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, yếu tố chuyển dịch cơ cấu lao động đóng vai trò quan trọng vào tăng năng suất lao động của nền kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá tất yếu làm thay đổi tỉ trọng lao động trong các ngành kinh tế.

a) Việc đặt mục tiêu giảm tỷ trọng khu vực nông – lâm – ngư nghiệp xuống dưới 20% với một nước nông nghiệp như Việt Nam là sai lầm.

b) Thị trường lao động Việt Nam đang có xu hướng chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

c) Cơ cấu lao động thay đổi đòi hỏi nhà nước cần quan tâm tới nâng cao chất lượng nguồn lao động để đáp ứng sự phát triển kinh tế.

d) Đến năm 2030 Việt Nam đặt mục tiêu xóa bỏ hoàn toàn lao động trong khu vực nông nghiệp là hợp lý.

## II. PHÂN TỰ LUẬN

**Câu 1.** Công ty A là doanh nghiệp lớn và có uy tín trên thị trường bánh kẹo. Sản phẩm của họ được người tiêu dùng tin tưởng. Công ty B là một doanh nghiệp mới tham gia thị trường, cũng sản xuất bánh kẹo. Để thu hút khách hàng và nhanh chóng chiếm thị phần, Công ty B đã đưa ra các sản phẩm với giá bán rất rẻ, đồng thời tung tin đồn rằng nguyên liệu của Công ty A không đảm bảo chất lượng, gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng. Ngược lại, Công ty A đã nỗ lực cải tiến công nghệ, cho ra mắt các dòng sản phẩm mới với mẫu mã đẹp, chất lượng cao hơn và liên tục thực hiện các chương trình tri ân khách hàng.

a. Trong tình huống trên, hãy chỉ ra các hành vi cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh. Phân tích hậu quả của hành vi cạnh tranh không lành mạnh của Công ty B đối với Công ty A, người tiêu dùng và thị trường.

b. Nếu là người quản lý của Công ty A, em sẽ có những chiến lược cạnh tranh nào để đối phó với hành vi của Công ty B, đồng thời củng cố uy tín và vị thế của mình trên thị trường?

**Câu 2.** Năm nay, do thời tiết thuận lợi, năng suất thu hoạch trái cây ở nhiều tỉnh miền Tây Nam Bộ đạt mức cao kỷ lục. Sản lượng trái cây tăng vọt, trong khi sức tiêu thụ của thị trường lại không tăng kịp, dẫn đến tình trạng "được mùa, rớt giá". Người nông dân phải bán trái cây với giá rất thấp, thậm chí không đủ bù đắp chi phí sản xuất. Tuy nhiên, khi trái cây đến tay người tiêu dùng ở thành phố, giá lại không hề giảm nhiều, lợi nhuận chủ yếu rơi vào tay các thương lái.

**a.** Dựa vào tình huống trên, em hãy giải thích hiện tượng "được mùa, rớt giá" bằng kiến thức về quy luật cung – cầu.

**b.** Theo em, nguyên nhân nào khiến giá trái cây đến tay người tiêu dùng không giảm nhiều dù giá thu mua tại vườn rất thấp? Hãy đề xuất các giải pháp để người nông dân có thể khắc phục tình trạng này và nâng cao hiệu quả kinh tế.

**Câu 3.** Việc trồng hoa màu đang ổn định nhưng thấy trên địa bàn mình sống đang có xu hướng trồng mít bán cho các vựa trái cây để có thu nhập tốt hơn nên gia đình anh K chuyển sang trồng mít.

*a) Em hãy phân tích quan hệ cung – cầu về mặt hàng mít trong trường hợp này?*

*b) Em hãy đưa ra lời khuyên cho gia đình anh K?*

**Câu 4.** Gia đình ông Hùng sống chủ yếu dựa vào đồng lương hưu cố định của ông và thu nhập từ công việc gia công quần áo tại nhà của bà Hùng. Gần đây, giá cả các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như gạo, thịt, dầu ăn... đều tăng mạnh. Chi tiêu hàng tháng của gia đình tăng lên đáng kể, trong khi thu nhập không thay đổi. Điều này khiến gia đình ông Hùng gặp nhiều khó khăn, buộc phải cắt giảm các khoản chi tiêu không cần thiết.

**a.** Dựa trên tình huống trên, em hãy xác định hiện tượng lạm phát đang diễn ra. Phân tích vì sao lạm phát lại gây ảnh hưởng nặng nề đến những gia đình có thu nhập cố định như gia đình ông Hùng.

**b.** Nếu là ông Hùng, em sẽ có những giải pháp nào để ứng phó với tình trạng giá cả tăng cao nhằm ổn định chi tiêu của gia đình? Hãy phân tích hậu quả của lạm phát đối với những người đi vay và người cho vay trong xã hội.

**Câu 5:** Em hãy cho biết những biến động sau đây có thể làm cho lạm phát tăng hay không? Vì sao?

**a/** Tình trạng lũ lụt, hạn hán,... kéo dài.

**b/** Các ngân hàng nâng lãi suất tiền gửi, lãi xuất tái chiết khấu,...

**c/** Giá xăng dầu tăng.

**d/** Tăng cường sản xuất kinh doanh.

**Câu 6.** Em cần có trách nhiệm gì để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp?

----HẾT----